

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỈ LỆ TRÚNG CỬ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH NHIỆM KỲ 2021 - 2026

TRẦN THỊ THANH LOAN*

Tóm tắt: Sử dụng phương pháp phân tích đa biến, bài viết tìm hiểu ảnh hưởng của các yếu tố đặc trưng nhân khẩu xã hội của ứng cử viên đến khả năng trúng cử hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021- 2026 dựa trên dữ liệu danh sách ứng cử và trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 của 63 tỉnh thành phố và 24 phỏng vấn sâu tại Hà Nội của đề tài “Một số vấn đề giới trong hoạt động bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026”. Kết quả phân tích cho thấy, có sự khác biệt giới về khả năng trúng cử Hội đồng nhân dân, nam ứng cử viên có nhiều khả năng trúng cử hơn nữ ứng cử viên. Khả năng trúng cử của các ứng cử viên tỉ lệ thuận với độ tuổi, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận. Nhóm ứng cử viên có vị trí nghề nghiệp là lãnh đạo và quản lý có nhiều khả năng trúng cử hơn các nhóm ứng cử viên khác. Các yếu tố như định kiến giới, năng lực của ứng cử viên, sự quyết tâm của ứng cử viên là các yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng trúng cử của các ứng cử viên.

Từ khóa: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, giới, ứng cử, trúng cử.

FACTORS INFLUENCING THE ELECTION RATES OF PROVINCIAL PEOPLE’S COUNCILS (2021-2026 TERM)

Abstract: Using multivariate analysis, the paper investigates the impact of socio-demographic characteristics of candidates on the likelihood of being elected to the provincial People’s Council for the 2021-2026 term based on data on the list of candidates and elected to the provincial People’s Council for the 2021-2026 term of 63 provinces and cities and in-depth interview data in Hanoi for the topic “Some gender issues in the election of the provincial People’s Council for the 2021-2026 term”. The analysis results show that there is a gender difference in the likelihood of being elected to the People’s Council, with male candidates being more likely to be elected than female candidates. The likelihood of being elected of candidates is proportional to age, professional qualifications, and theoretical qualifications. The group of candidates with professional positions as leaders and managers is more likely to be elected than other groups of candidates. Factors such as resource preparation, gender bias, constituency arrangement, candidate capacity, and candidate determination are factors that significantly influence the candidates’ ability to win the election.

Keywords: Provincial People’s Council, gender, candidacy, election

* Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Ngày nhận bài: 20/08/2024; Ngày phản biện: 08/09/2024; Ngày duyệt đăng: 15/11/2024

1. Mở đầu

Phân tích về việc trúng cử Hội đồng nhân dân là một trong những nội dung trọng tâm trong nghiên cứu bình đẳng giới trong tham chính ở Việt Nam. Kết quả bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nhiệm kỳ 2021 - 2026 cho thấy cơ cấu giới trong danh sách ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của 60/63 tỉnh/thành phố đã vượt chỉ tiêu là “*có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ*”. Tuy nhiên, trong tổng số đại biểu trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, đại biểu là nam giới cao hơn 2 lần so với tỉ lệ đại biểu là nữ. Vậy câu hỏi được đặt ra là tỉ lệ trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 bị tác động bởi những yếu tố nào, liệu tỉ lệ trúng cử Hội đồng nhân dân của nam và nữ ứng cử viên là do yếu tố giới tính hay vì một lý do nào khác?

Các nghiên cứu đã có (Hội liên hiệp phụ nữ và Cơ quan hợp tác phát triển Tây Ban Nha, 2010; Trần Thị Vân Anh, 2010; Phạm Thu Hiền, 2011; Trần Thị Minh Thi, 2017; Nguyễn Hữu Minh, 2020; Trần Quang Tiến & Trịnh Thị Hoàng Anh, 2020) cho rằng sự thiếu quyết tâm và cam kết trách nhiệm của thủ trưởng các cấp, các ngành trong công tác cán bộ nữ; vai trò tư vấn, giám sát chính sách của Hội Liên hiệp Phụ nữ và Ủy ban Quốc gia về sự tiến bộ của Phụ nữ còn hạn chế; cơ cấu đại biểu; cách sắp xếp trong danh sách bầu cử; định kiến giới, năng lực của ứng cử viên; ý thức của phụ nữ trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân của mình trong việc bầu cử, ứng cử và đề cử vào các cơ quan dân cử là các yếu tố rào cản đối với phụ nữ khi tham gia ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nói chung, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nói riêng. Tuy nhiên, hầu hết đây là các nhận định rút ra từ các nghiên cứu định tính và các bình luận dựa trên số liệu thống kê của các báo cáo kết quả bầu cử. Ngoài ra cũng có một số nghiên cứu (Lê Thị Quý & cộng sự, 2006; Phạm Thu Hiền, 2011) tìm hiểu quan niệm của cử tri đối với việc lựa chọn ứng cử viên là nam giới/phụ nữ nhưng các phân tích chủ yếu dừng ở các phân tích mô tả. Bài viết này dựa trên số liệu mới, có quy mô lớn cùng với kết quả phỏng vấn sâu đối với cử tri, ứng cử viên trúng cử/không trúng cử và chuyên gia tại Hà Nội sẽ tập trung phân tích về các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ lệ trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Bài viết tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ lệ nam/nữ ứng cử viên trúng cử hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Dựa trên dữ liệu của cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 bao gồm danh sách ứng cử và danh sách trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của 63 tỉnh thành phố. Nghiên cứu tiến hành thu thập danh sách ứng cử viên tham gia ứng cử và danh sách ứng cử viên trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của 63 tỉnh thành phố ở Việt Nam trên cổng thông tin điện tử của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân, Đại biểu nhân dân, Sở Nội vụ, Báo/đài truyền hình... của các tỉnh thành phố. Dữ liệu của ứng cử viên được nhập bằng phần mềm Epidata và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0. Dung lượng mẫu khá lớn với tổng số ứng cử viên tham gia ứng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 là 6.201 ứng viên. Trong đó số ứng cử viên nam là 3.645 người (chiếm 58,8%), số lượng ứng cử viên nữ là 2.556 người (chiếm 41,2%). Tỷ lệ ứng cử viên ở các nhóm tuổi khác nhau là: 3,7% cho nhóm 22 – 29 tuổi; 26,2% cho nhóm 30 – 39 tuổi; 42,4% cho nhóm 40 – 49 tuổi; 25,3% cho nhóm 50 – 59 tuổi; 2,3% cho nhóm 60 – 79 tuổi.

Bên cạnh đó, để lý giải và làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến tỉ lệ nữ trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Nghiên cứu thực hiện 24 phỏng vấn sâu tại Hà Nội đối với các khách thể như ứng cử viên trúng cử và ứng cử viên không trúng cử Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, cán bộ đại diện Hội đồng nhân dân, cán bộ đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ, cán bộ đại diện Mặt trận Tổ quốc và cử tri.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Yếu tố cá nhân

Đặc trưng xã hội của nam nữ ứng cử viên

Để góp phần lý giải các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ lệ trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026, bài viết tập trung phân tích 3 mô hình, đó là mô hình chung, mô hình đối với nam ứng cử viên, và mô hình đối với nữ ứng cử viên. Tương ứng với 3 mô hình, bài viết xây dựng 3 số phụ thuộc: (1) Mô hình chung “Ông/bà có trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 không?”, với các phương án trả lời: 1. Có; 0. Không. Tổng số mẫu trong mô hình hồi quy tại Bảng 1 là 6165 ứng cử viên với $R^2 = 0,51$; (2) Mô hình với nam “Ông có trúng cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 không?” với các phương án trả lời: 1. Có; 0. Không. Tổng số mẫu trong mô hình hồi quy tại Bảng 1 là 3.131 ứng cử viên với $R^2 = 0,47$; (3) Mô hình với nữ “Bà có trúng cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026 không?” với các phương án trả lời: 1. Có; 0. Không. Tổng số mẫu trong mô hình hồi quy tại Bảng 1 là 2.534 ứng cử viên với $R^2 = 0,45$ (xem Bảng 1).

Xem xét mô hình chung

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có sự khác biệt giới về khả năng trúng cử. So với nữ ứng cử viên thì khả năng trúng cử của nam ứng cử viên cao gấp 1,6 lần. Lý giải về tỉ lệ nam ứng cử viên trúng cử cao hơn so với nữ ứng cử viên, một ứng cử viên cho rằng: “Thứ nhất, những người được sắp xếp danh sách vốn dĩ tỉ lệ nam đã nhiều hơn nữ rồi. Thứ hai, tỉ lệ nữ tham gia ứng cử tăng hơn so với nhiệm kỳ trước là để đảm bảo tỉ lệ đề ra nhưng lúc sắp xếp danh sách để bỏ phiếu thì giữa một nam ứng cử viên là bí thư quận và một nữ ứng cử viên là bí thư đoàn thanh niên thì nam ứng cử viên sẽ có khả năng trúng cử hơn. Do đó để tăng tỉ lệ ứng cử viên trúng cử thì việc sắp xếp danh sách cần cân bằng hơn giữa các ứng cử viên” (PVS, nữ ứng cử viên, 1985).

Bảng 1. Mô hình hồi quy logistic các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng trúng cử của ứng cử viên (Tỷ số chênh)

Biến độc lập	Chung		Nam		Nữ	
	Tỷ số	N	Tỷ số	N	Tỷ số	N
Giới tính						
Nam	1,6***	3633				
Nữ	1	2534				
Dân tộc						
Kinh	0,4***	5052				
Dân tộc thiểu số	1	1113				

Biến độc lập	Chung		Nam		Nữ	
	Tỷ số	N	Tỷ số	N	Tỷ số	N
Học hàm, học vị						
Có học hàm, học vị	2,0***	2833	2,0***	1854	2,1***	979
Không có học hàm, học vị	1	3332	1	1777	1	1555
Nhóm tuổi						
Dưới 40 tuổi	0,3***	1848				
40 – 59 tuổi	1,0	4173				
60 tuổi trở lên	1	144				
Ông/bà có là Đảng viên không						
Có	0,7*	5418	0,6**	3316	0,9	2102
Không	1	747	1	315	1	432
Nghề nghiệp						
Lãnh đạo, quản lý	1,9**	4318	3,1**	2835	2,0*	1483
Chuyên môn	0,5*	1343	0,8	494	0,6	849
Lực lượng vũ trang/Tôn giáo	3,7***	247	7,2***	220	1,7	27
Cán bộ đoàn thể/địa phương xã, phường	1,2	157	2,0	55	1,1	102
Lao động giản đơn	1	100	1	27	1	73
Trình độ lý luận chính trị						
Trung cấp trở xuống	0,1***	2100	0,1***	850	0,1***	1250
Cao cấp và tương đương	1	4065	1	2781	1	1284
Nhóm nam kết hợp						
Nam DTTS dưới 40 tuổi			0,3***	154		
Nam DTTS trên 40 tuổi			1,1	392		
Nam DTK dưới 40 tuổi			0,2***	450		
Nam DTK trên 40 tuổi			1	2635		
Nhóm nữ kết hợp						
Nữ DTTS dưới 40 tuổi					1,5**	331
Nữ DTTS trên 40 tuổi					1,8**	236
Nữ DTK dưới 40 tuổi					0,3***	913
Nữ DTK trên 40 tuổi					1	1054
Cơ cấu nữ ứng cử viên						
Dưới 40%					0,8	1112
40% trở lên					1	1422
R²	0,51		0,47		0,45	
N		6165		3631		2534

Mức ý nghĩa thống kê: * $p < 0,1$; ** $p < 0,05$; *** $p < 0,001$

(Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên số liệu ứng cử và trúng cử hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 của 63 tỉnh/thành phố)

Khả năng trúng cử của ứng cử viên dân tộc Kinh chỉ bằng 40% khả năng này ở nhóm ứng cử viên là người dân tộc thiểu số.

Có một xu hướng rõ ràng rằng học vấn càng cao thì khả năng trúng cử càng cao. Cụ thể so với nhóm ứng cử viên không có học hàm, học vị thì khả năng trúng cử của nhóm ứng cử viên có học hàm/học vị (Thạc sĩ, Tiến sĩ, Phó giáo sư, Giáo sư) cao gấp 2 lần.

Khả năng trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026 thuận chiều với độ tuổi của các ứng cử viên. Như vậy có nghĩa là, khi các ứng cử viên tuổi càng cao thì khả năng trúng cử càng lớn. Thực tế này cũng được thể hiện trong dữ liệu phỏng vấn sâu như sau: *"Tại thời điểm tham gia ứng cử em còn ít tuổi, ở cơ quan em chỉ là chuyên viên, kinh nghiệm công tác chưa nhiều nên việc em tham gia ứng cử chỉ là sự trải nghiệm. Nếu trúng cử thì cần rất nhiều yếu tố khác ví dụ như yếu tố kinh nghiệm trong công tác, lãnh đạo, ít nhất là cấp phó, kinh nghiệm công tác, tuổi đời"* (PVS, nữ ứng cử viên, 1989)

Kết quả hồi quy đa biến đã xác nhận yếu tố nghề nghiệp của ứng cử viên có ảnh hưởng đến khả năng trúng cử của các ứng cử viên. Cụ thể, khả năng trúng cử của nhóm ứng cử viên có nghề nghiệp lãnh đạo, quản lý cao gấp 1,9 lần so với khả năng trúng cử của nhóm ứng cử viên làm các công việc giản đơn. Đồng thời kết quả cũng khẳng định, nhóm ứng cử viên có nghề nghiệp lực lượng vũ trang/tôn giáo có khả năng trúng cử cao gấp 3,7 lần so với nhóm so sánh.

Trình độ lý luận chính trị của ứng cử viên cũng có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng trúng cử của các ứng cử viên. Nếu ứng cử viên có trình độ chính trị lý luận là sơ cấp trở xuống thì khả năng trúng cử của nhóm ứng cử viên này chỉ bằng 0,1 lần so với khả năng này ở nhóm ứng cử viên có trình độ lý luận chính trị cao cấp và tương đương.

Việc ứng cử viên là Đảng viên không phải là điều kiện làm tăng khả năng trúng cử của các ứng cử viên. Cụ thể, khả năng trúng cử của nhóm ứng cử viên là Đảng viên chỉ bằng 0,7 lần so với nhóm ứng cử viên không là Đảng viên.

Tóm lại qua phân tích sự ảnh hưởng của các biến số mang đặc trưng cá nhân của nam nữ ứng cử viên đến khả năng trúng cử cho thấy: *thứ nhất*, nam ứng cử viên có nhiều khả năng trúng cử hơn nữ ứng cử viên. *Thứ hai*, những ứng cử viên là người dân tộc thiểu số, ở độ tuổi 40-59 tuổi, có học hàm/học vị, có trình độ lý luận chính trị là cử nhân, có nghề nghiệp là quân đội/công an/tôn giáo thì nhiều khả năng trúng cử hơn các nhóm ứng cử viên khác.

Qua phỏng vấn sâu với các cử tri cũng cho thấy, yếu tố trình độ học vấn, trình độ chuyên môn là các yếu tố đầu tiên mà cử tri quan tâm khi nhìn vào tiểu sử của mỗi ứng cử viên. Khi được hỏi về tiêu chí lựa chọn ứng cử viên, một nữ cử tri chia sẻ: *"Khi lựa chọn đại biểu, cô chọn những người có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, là Đảng viên, đang giữ chức vụ trong cơ quan công tác, thời gian công tác có đạt nhiều thành tích không thì mới biết họ có uy tín không, có đủ tư cách không. Những người trẻ quá thì chưa có kinh nghiệm, làm sao mà đại diện được cho các tầng lớp nhân dân"* (PVS, nữ cử tri, 1955). Dường như trong quan niệm của cử tri vẫn tồn tại quan điểm *"Khôn không đến trẻ"* và điều này có ảnh hưởng nhất định đến việc lựa chọn ứng cử viên để bầu cử vào Hội đồng nhân dân.

Xem xét mô hình đối với nam và nữ ứng cử viên

Đối với nam ứng cử viên, kết quả cho thấy, nhóm nam ứng cử viên có học vị thạc sĩ trở lên, là lãnh đạo, quản lý/lực lượng vũ trang/tôn giáo, có trình độ lý luận cao cấp và tương đương, ở độ tuổi trên 40 tuổi trở lên có nhiều khả năng trúng cử hơn các nhóm nam ứng cử viên khác.

Đối với nữ ứng cử viên, kết quả Bảng 1 cho thấy khả năng trúng cử của nữ ứng cử viên thuận chiều với trình độ chuyên môn, trình độ lý luận. Như vậy, trình độ chuyên môn và trình độ lý luận của nữ ứng cử viên càng cao thì ứng cử viên nữ càng có nhiều khả năng trúng cử. Bên cạnh đó, nhóm nữ ứng cử viên làm lãnh đạo quản lý có nhiều khả năng trúng cử hơn các nhóm nữ ứng cử viên đảm nhiệm các nghề nghiệp khác.

Các kết quả nghiên cứu đã có (Hội Liên hiệp phụ nữ & cơ quan khác, 2010; Phạm Thu Hiền, 2011; Trần Quang Tiến & Trịnh Thị Hoàng Anh, 2020) khẳng định so với nam ứng cử viên thì nữ ứng cử viên thường phải gánh cơ cấu như: nữ - trẻ - dân tộc thiểu số và điều này đã làm hạn chế khả năng trúng cử của nữ ứng cử viên. Tuy nhiên, kết quả tại Bảng 1 cho thấy, nữ ứng cử viên dân tộc thiểu số dưới 40 tuổi/ trên 40 tuổi có nhiều khả năng trúng cử hơn nữ ứng cử viên dân tộc Kinh (lần lượt là 1,5 lần và 1,8 lần). Trong nhóm nữ dân tộc Kinh, khả năng trúng cử của nữ dân tộc Kinh ở độ tuổi dưới 40 tuổi chỉ bằng 30% so với khả năng trúng cử của nữ ứng cử viên dân tộc Kinh trên 40 tuổi (xem Bảng 1).

Đồng thời, kết quả hồi quy đa biến cũng cho thấy, không có một xu hướng rõ ràng về việc tăng tỉ lệ nữ ứng cử sẽ làm tăng khả năng trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên kết quả tại Bảng 1 là một gợi ý cho các nhà hoạch định chính sách khi xác định tỉ lệ nữ ứng cử nhằm đạt được mục tiêu đặt ra (xem Bảng 1). Bởi lẽ, xét từ góc độ giới, việc cơ cấu tỉ lệ nữ tham gia Hội đồng nhân dân vẫn được xem là biện pháp tạm thời cần thiết để thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương trong bối cảnh những định kiến giới vẫn còn tồn tại sâu sắc trong xã hội (Phạm Thu Hiền, 2011).

Sự quyết tâm của ứng cử viên

Sự quyết tâm của ứng cử viên là động lực giúp cho các ứng cử viên có thái độ tích cực, kiên trì và khả năng đối phó với khó khăn trong quá trình vận động bầu cử. Đồng thời, khi có sự quyết tâm, những ứng cử viên sẽ có động lực mạnh mẽ để vận động, gặp gỡ cử tri, và truyền tải thông điệp của mình, tích cực tìm hiểu tình hình kinh tế xã hội của địa phương để xây dựng Chương trình hành động thuyết phục, sát với điều kiện của địa phương. Do đó, tại các buổi tiếp xúc cử tri, nhiều ứng cử viên đã tạo ấn tượng tốt với cử tri. Một nữ ứng cử viên tham gia ứng cử và đã trúng cử chia sẻ rằng: *“Khi viết chương trình hành động chị nhắm vào lĩnh vực mà chị là chuyên gia đó là lĩnh vực giáo dục, do đó chị tìm hiểu kỹ hơn nhu cầu giáo dục và đào tạo của huyện S, quan tâm đến nguyện vọng của các giáo viên nữ, nên khi hứa thực hiện nó cũng khả thi hơn. Một điểm thuận lợi là trường chị có một cơ sở đặt tại huyện S nên khi chị nói đến địa điểm đó thì người dân thấy có liên quan, gần gũi với họ. Khi giao tiếp với cử tri chị cũng thẳng thắn, không rườm rà, hình thức nên tạo được niềm tin với cử tri”* (PVS, nữ ứng cử viên, 1975).

Nhưng cũng có trường hợp nữ ứng cử viên khi được giới thiệu ứng cử vẫn còn tâm lý e dè, chưa sẵn sàng ứng cử. Một nữ cử tri cho biết: *“Chính bản thân người phụ nữ cũng không đặt mục tiêu cho mình, không quyết liệt, không thực sự muốn tham gia vào lĩnh vực chính trị, chưa thực sự nỗ lực và quyết tâm để làm việc đó cho bằng được nên đó là một lý do khiến tỉ lệ nữ không cao”* (PVS, nữ cử tri, 1975).

Bên cạnh đó, có những ứng cử viên trẻ vì biết mình được xếp vào bảng có những ứng cử viên có vị trí nghề nghiệp, tuổi, trình độ học vấn cao hơn mình nên có tâm lí lo lắng, nản chí: *“Khi em nhìn danh sách ứng cử ở đơn vị mà em tham gia ứng cử em thấy khả năng em và một chị là giáo viên trường tiểu học bị trượt rất cao. Danh sách 5 bầu 3 mà 3 ứng cử bên trên có vị trí nghề nghiệp cao hơn em và ứng cử viên còn lại nên em thấy cũng nản”* (PVS, nữ ứng cử viên, 1985).

Năng lực của ứng cử viên

Khả năng “*ăn nói lưu loát*” được các đại biểu và người dân cho rằng có thể ghi điểm rất lớn đối với cử tri “*Khi mình trình bày chương trình hành động lưu loát thì người dân cũng đánh giá cao mình*” (PVS, nữ cử tri, 1987).

Vấn đề năng lực còn có mối liên quan đến tâm lý của các ứng cử viên nữ, do họ chưa đủ tự tin trước cử tri. Các nữ ứng cử viên nữ trẻ lần đầu tham gia ứng cử khi đi vận động cử tri cùng các ứng cử viên có vị thế nghề nghiệp cao hơn mình, họ thấy tự ti và xác định việc tham gia ứng cử là để “*trải nghiệm*”. Một nữ ứng cử viên chia sẻ rằng: “*Trong quá trình đi vận động cử tri, các bác lãnh đạo hứa sẽ hỗ trợ một công trình dân sinh, một chính sách về an sinh xã hội ở nơi mà họ ứng cử, cử tri sẽ ủng hộ họ hơn các chuyên viên bình thường. Vì vậy, khi em đi cùng với các bác có vị trí xã hội, kinh nghiệm, kinh tế hơn nên em cũng thấy mình bị lép vế. Em cũng xác định tham gia ứng cử là để trải nghiệm*” (PVS, nữ ứng cử viên, 1985).

Cũng có những nữ ứng cử viên do “*bị động*” nên quá trình chuẩn bị cho hoạt động ứng cử cũng không thực sự tốt. Một nam ứng cử viên kể rằng: “*Nhiều người đang làm việc ở các cơ quan thì có chỉ tiêu xuống giới thiệu đại biểu nữ, họ bị động chưa sẵn sàng, do đó khi xây dựng chương trình hành động sẽ không hình dung hết được. Cũng có những trường hợp ứng cử viên không mong muốn được là đại biểu nên khi trình bày chương trình hành động sẽ không có tính thuyết phục*” (PVS, nam ứng cử viên, 1974).

So với các ứng cử viên lớn tuổi thì các ứng cử viên trẻ chỉ làm chuyên môn, có vị trí nghề nghiệp là chuyên viên sẽ khó được người dân “*nhìn nhận*”. Bên cạnh đó tâm lý “*rut rè*”, thiếu các kỹ năng khi tiếp xúc với các cử tri, nên sức nặng của chương trình hành động mà họ đưa ra sẽ không bằng những người có kinh nghiệm. Một nam ứng cử viên đã trúng cử cho biết: “*Các bạn trẻ có thể giỏi trong chuyên môn nhưng khi tham gia các hoạt động xã hội thì họ thiếu tự tin, thiếu kiến thức về xã hội, thiếu kiến thức về tâm lý con người, khi trình bày thì rut rè. Vì vậy, họ khó mà ghi điểm với các cử tri*” (PVS, nam ứng cử viên, 1964). Nhận định về năng lực của các ứng cử viên trẻ khi trình bày chương trình hành động, nữ cử tri sinh năm 1988 cho rằng: “*Chương trình hành động của những người làm lãnh đạo, họ có kinh nghiệm, có thực tiễn thì nội dung người ta viết ra nó đã có sự thuyết phục rồi. Còn các bạn trẻ lần đầu tham gia ứng cử nên đôi khi chương trình hành động của họ còn rất mơ hồ, chưa biết là sẽ đóng góp gì cho hội đồng nhân dân, vì vậy khó thuyết phục được người nghe*” (PVS, nữ cử tri, 1988)

3.2. Yếu tố từ phía xã hội

Cử tri trực tiếp đi bầu cử

Khi cử tri trực tiếp tham gia bầu cử, cử tri có cơ hội tìm hiểu về các ứng cử viên, chương trình hành động và cam kết của các ứng cử viên. Điều này giúp cử tri đưa ra quyết định chính xác và có tính chất đại diện cao hơn. Tuy nhiên, tỉ lệ cử tri trực tiếp đi bầu cử Hội đồng nhân dân tỉ lệ nghịch theo các nhiệm kỳ. Có sự khác biệt giới trong tỉ lệ đi bầu cử trực tiếp, nam giới đi bầu cử trực tiếp nhiều hơn so với phụ nữ (CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP, 2022).

Trong quá trình bầu cử vẫn còn tình trạng cử tri nhờ người “*bỏ hộ*” và điều này gây những thiệt hại và bất lợi cho các ứng cử viên. Thực trạng này được một nữ ứng viên cho biết: “*Nhiều gia đình cử đại diện đi bỏ phiếu cho cả gia đình như thế sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả bầu cử. Vì các lá phiếu chỉ phụ thuộc vào ý chí của một người trong gia đình*” (PVS, nữ ứng viên, 1988). Bình luận về thực trạng

trên, một nữ ứng cử viên cho rằng: “Nhiều người dân chưa thực sự quan tâm đến hoạt động chính trị, chưa sát sao với công tác bầu cử” (PVS, nữ ứng cử viên, 1985).

Sự thờ ơ của cử tri đối với hoạt động bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh/thành phố được lý giải là do cử tri không biết những ứng cử cử đó là ai. Các thông tin của các ứng cử viên mà họ tiếp cận được chủ yếu trên danh sách ứng cử nên họ sẽ không thể cân nhắc như khi bỏ phiếu cho Hội đồng nhân dân cấp phường/xã được. Một nam cử tri chia sẻ: “Nếu bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân cấp phường thì người dân sẽ cân nhắc nhiều hơn. Còn với những người ứng cử Hội đồng nhân dân cấp Quận/thành phố, chỉ đến khi bầu cử người dân mới biết thông qua việc đọc danh sách nên họ không quan tâm nhiều, họ gạch theo cảm tính” (PVS, nam cử tri, 1954).

Định kiến giới của cử tri

Định kiến giới của cử tri trong việc bầu cử Hội đồng nhân dân có ảnh hưởng đến sự tham gia và đại diện của các nhóm giới trong cơ quan lập pháp của địa phương. Theo kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, khi được hỏi về sự cần thiết phải có sự đại diện của nữ trong Hội đồng nhân dân, các cử tri và ứng cử viên đều khẳng định cần phải có nữ đại biểu Hội đồng nhân dân vì việc tham gia của nữ giới trong Hội đồng nhân dân không chỉ đảm bảo về cơ cấu mà còn đảm bảo vai trò và tiếng nói của phụ nữ khi thảo luận, quyết sách những vấn đề liên quan đến giới, phụ nữ và trẻ em. Hay như quan điểm của một nam ứng cử viên thì: “Cần thiết phải có cán bộ nữ trong hội đồng nhân dân vì nó tạo sự cân bằng ý kiến về các vấn đề liên quan đến chính sách cho nữ và góp phần thúc đẩy bình đẳng giới” (PVS, nam ứng cử viên, 1989).

Bên cạnh đó cũng có những cử tri không tin tưởng vào năng lực và khả năng của các ứng cử viên nữ, nguyên do là: “Tu tưởng trọng nam khinh nữ đã ăn sâu vào quan niệm của người dân, nên nhiều người nghĩ phụ nữ làm việc không dứt khoát. Để thay đổi nhận thức của cử tri thì hơi khó” (PVS, nữ ứng cử viên, 1989). Đồng thời họ quan niệm rằng “phụ nữ chỉ nên làm nội trợ”, “phụ nữ sẽ nặng về các vấn đề gia đình sẽ không toàn tâm toàn ý như nam”. Vì vậy khi bỏ phiếu, họ ưu tiên nam giới hơn. Chia sẻ của nữ ứng cử viên về hiện trạng này như sau: “Mặc dù trình độ năng lực của phụ nữ đã nâng lên rất nhiều rồi nhưng tư duy trọng nam khinh nữ của người dân vẫn còn nặng nề. Họ cho rằng, tính quyết đoán của phụ nữ không cao bằng người đàn ông nên khi bỏ phiếu họ vẫn ưu tiên nam hơn” (PVS, nữ ứng cử viên, 1987). Và “hai ứng cử viên nam và nữ có trình độ và như nhau về mọi mặt thì người ta vẫn cứ bầu người nam. Cử tri vẫn coi trọng nam giới hơn, nhất là các vùng ngoại thành và nông thôn. Người ta vẫn nói ới giới đàn bà thì vào làm cái gì, cứ bầu đàn ông cho nó chắc” (PVS, nữ ứng cử viên, 1974).

Có lẽ sự kỳ vọng và mong đợi của xã hội đối với vai trò thiên chức của phụ nữ đã tạo ra định kiến đối với phụ nữ trong chính trị. Quan điểm giới truyền thống “nam ngoại nữ nội” vẫn còn chi phối đáng kể đến thái độ của cử tri trong quá trình lựa chọn ứng cử viên để bầu cử vào Hội đồng nhân dân.

4. Kết luận

Tóm lại, qua tìm hiểu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tỉ lệ trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026, bài viết đưa ra một số kết luận như sau: Một là, các yếu tố giới tính, dân tộc, trình độ chuyên môn, tuổi, nghề nghiệp và trình độ lý luận chính trị có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng trúng cử của ứng cử viên. Ứng cử viên tham gia ứng cử là nam giới người dân tộc thiểu số, ở độ tuổi 40-59 tuổi, có học hàm/học vị, có trình độ lý luận chính trị là cử nhân,

có nghề nghiệp là quân đội/công an/tôn giáo thì nhiều khả năng trúng cử hơn các nhóm ứng cử viên khác.

Hai là, nhóm nữ ứng cử viên là người dân tộc thiểu số có nhiều khả năng trúng cử hơn nhóm nữ ứng cử viên là người dân tộc Kinh. Nhóm nữ ứng cử viên là dân tộc Kinh/dân tộc thiểu số ở độ tuổi trên 40 tuổi có khả năng trúng cử cao hơn nhóm nữ ứng cử viên là dân tộc Kinh/dân tộc thiểu số ở độ tuổi từ 40 tuổi trở xuống.

Ba là, qua kết quả phỏng vấn sâu đã cho thấy một số lý giải về tỉ lệ nữ trúng cử thấp hơn so với mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra như quan niệm của cử tri về đại biểu Hội đồng nhân dân; bố trí địa bàn ứng cử; tỉ lệ cử tri trực tiếp đi bầu cử; định kiến giới; sự quyết tâm của các ứng cử viên và năng lực của các ứng cử viên.

Như vậy, để đảm bảo chất lượng đội ngũ ứng cử viên, đặc biệt là các ứng cử viên nữ, đòi hỏi phải có sự quy hoạch, chuẩn bị mang tính chiến lược, nên tránh sự bị động, sát đến kỳ bầu cử mới căn cứ vào chỉ tiêu phân bổ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để tìm nguồn. Các cơ quan, ban ngành, địa phương cần chủ động tạo nguồn cán bộ, có sự đào tạo, mạnh dạn giao việc để cán bộ, đặc biệt là cán bộ nữ có cơ hội thể hiện và khẳng định mình. Đồng thời, cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức của cử tri về vai trò của nữ ứng cử tri trong Hội đồng nhân dân, cũng như tầm quan trọng của việc bầu cử và trách nhiệm của cử tri khi đi bầu cử.

Tài liệu tham khảo

- CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2022). *Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2021: Đo lường từ kinh nghiệm thực tiễn của người dân*.
- Hội Liên hiệp Phụ nữ & Cơ quan hợp tác phát triển Tây Ban Nha (2010). *Báo cáo kết quả nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới tỉ lệ nữ tham gia các cơ quan dân cử*
- Nguyễn Hữu Minh (2020). Phụ nữ tham gia chính trị ở Việt Nam: Thành tựu, thách thức và một số giải pháp trong giai đoạn mới. *Tạp chí Lý luận chính trị*. Lấy từ: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/3272-phu-nu-tham-gia-chinh-tri-o-viet-nam-thanh-tuu-thach-thuc-va-mot-so-giai-phap-trong-giai-doan-moi.html>.
- Phạm Thu Hiền (2011). Những rào cản đối với phụ nữ khi tham gia ứng cử đại biểu hội đồng nhân dân. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, 3, tr. 3-13.
- Trần Quang Tiến & Trịnh Thị Hoàng Anh (2020). Một số rào cản hạn chế sự tham gia của phụ nữ trong quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp. *Tạp chí Khoa học Học viện Phụ nữ Việt Nam*, 3, tr. 2 -12.
- Trần Thị Minh Thi (2017). *Bình đẳng giới trong chính trị từ chiều cạnh thể chế, văn hóa, và hội nhập quốc tế*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Trần Thị Vân Anh (2010). Những trở ngại đối với sự phấn đấu của lãnh đạo nữ. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, 2, tr 12 - 25.
- Lê Thị Quý, Từ Thúy Quỳnh & Nguyễn Tuyết Nga (2006). Phụ nữ tham gia hội đồng nhân dân (Trường hợp thành phố Hải Phòng). *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, 3, tr. 43 - 49.